

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) trong các câu sau.**Câu 1:** Phiên âm đúng của từ 智慧 là: _____.

- A. zhīhuì B. zhihui C. zhīhuī D. zhihui

Câu 2: Phiên âm đúng của từ 分享 là: fēnx _____.

- A. iǎng B. iěng C. ǎng D. iǎn

Câu 3: Phiên âm đúng của từ 国际 là: guó _____ì.

- A. q B. x C. j D. C

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.**Câu 4:** 对待朋友, 中国人曾用八个字来 _____, 就是“有福同享, 有难同当”。

- A. 形容 B. 形容 C. 形容 D. 形容

Câu 5: 越南人往往把父母对孩子的养育之恩比喻为 _____。

- A. 奉山 B. 奏山 C. 泰山 D. 泰山

Câu 6: 我十分 _____ 帮过我的那位大夫。

- A. 感激 B. 感激 C. 憾邀 D. 憾邀

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ / cụm từ gạch chân trong các câu sau.**Câu 7:** 我出去买东西, 回来时正赶上大雨。

- A. 遇到 B. 快走 C. 趁着 D. 追上

Câu 8: 大学毕业以后我就独立了, 那时起就不再向父母伸手了。

- A. 照顾父母 B. 跟父母要钱 C. 支援父母 D. 帮父母赚钱

Câu 9: 大家心里都明白, 这件事早晚要暴露的。

- A. 终于 B. 很晚 C. 迟早 D. 很快

Câu 10: 在中学读书的时候, 她对中国文学发生了很大的兴趣。

- A. 发现 B. 出现 C. 生产 D. 产生

Câu 11: 这种衣服早就过时了, 你怎么还买呀?

- A. 不流行了 B. 过分时兴 C. 超过时间 D. 过去的时间

Câu 12: 我们几个人根本就不赞成老陈提出的那个建议。

- A. 主要 B. 完全 C. 始终 D. 本来

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.**Câu 13:** 在中国同学的帮助下, 我的汉语水平大大提高了。

- A. 动词 B. 副词 C. 形容词 D. 名词

Câu 14: 他今天的行动很不一般。

- A. 动词 B. 名词 C. 副词 D. 形容词

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.

Câu 15: 文章已经写完了, 你偏偏再加上两句, 这不是画蛇添 吗?

- A. 足 B. 手 C. 脚 D. 爪

Câu 16: 你回家吧, 逛逛商店, 别在这儿打扰别人工作。

- A. 还是 B. 或者 C. 以及 D. 而且

Câu 17: 我认为, 不管是谁, 脑子相当聪明, 要努力学习, 否则就会落后。

- A. 只有……才…… B. 虽然……却…… C. 即使……也…… D. 只要……就……

Câu 18: 大家都知道这次考试非常重要, 我们应该怎么做呢?

- A. 于是 B. 那么 C. 所以 D. 因此

Câu 19: 有这样的一 雨伞在手, 什么样的雨也可抵抗得了的。

- A. 把 B. 根 C. 条 D. 顶

Câu 20: 明天参加比赛, 所有同学 穿白衬衣、黑裤子。

- A. 一色 B. 一律 C. 一直 D. 一身

Câu 21: 做一件好事并不难, 做一辈子好事则不那么 。

- A. 难 B. 轻易 C. 为难 D. 容易

Câu 22: 说实话, 在交际 , 我还要向你学习的。

- A. 方式 B. 方针 C. 方面 D. 方法

Câu 23: 他的经历告诉我们, , 这样才能有个好身体。

- A. 工作越忙就越要运动 B. 工作越忙就运动越要
C. 工作越忙越要就运动 D. 就要运动工作越忙越

Câu 24: 经常吃水果, 补充营养 可以美容。

- A. 也……也…… B. 或……或…… C. 是……还是…… D. 既……又……

Câu 25: 乘客同志们, 前面可能出现了什么情况, 车堵 过不去。

- A. 的 B. 不 C. 过 D. 着

Câu 26: 这里的风光 我想起了家乡。

- A. 把 B. 被 C. 给 D. 让

Câu 27: 他就是这样的一个人, 你有 可奇怪的。

- A. 怎么 B. 哪些 C. 任何 D. 什么

Câu 28: 在这里遇见老朋友, 真是太意外了。

- A. 会 B. 该 C. 能 D. 要

Câu 29: 这个消息太 了, 大家都没有心理准备。

- A. 突然 B. 忽然 C. 必然 D. 果然

Câu 30: 她对自己的工作 没有这么满意过。

- A. 终于 B. 从来 C. 总是 D. 到底

Câu 31: 这次你不批评他, 下次他肯定 会犯类似的错误。

- A. 重 B. 再 C. 也 D. 仍

Câu 32: 这次考试能顺利通过, 全_____这几天的认真准备。

- A. 弄 B. 搞 C. 赖 D. 靠

Câu 33: 这个道理很简单, 你怎么就不懂_____?

- A. 呢 B. 啊 C. 呀 D. 吗

Câu 34: _____有你在身边, 就算遇到再困难的事情我_____不担心。

- A. 虽然……但是…… B. 只要……也……
C. 与其……不如…… D. 不管……都……

Câu 35: 在那么艰难的条件_____, 他完成了别人不能完成的任务。

- A. 上 B. 里 C. 下 D. 中

Câu 36: 来到这里, 我发现_____老人小孩在内的任何人, 都充满了希望。

- A. 包含 B. 包括 C. 概念 D. 概括

Từ 4 vị trí A, B, C, D cho trước trong các câu sau, chọn vị trí đúng cho từ / cụm từ trong ngoặc.

Câu 37: A 大学毕业 B 十年了, 我从来没有见过他, C 听朋友提起过他 D. (偶尔)

Câu 38: 重要的不是 A 学了多久, 而是 B 把 C 学过的内容全 D 都记住。 (怎样)

Câu 39: A 我跟王大夫 B 不太熟, C 见过 D 一两次面而已。 (只是)

Câu 40: 几家邻居 A 先后都 B 搬走了, 只有老王 C 住在 D 原来的地方。 (还)

Câu 41: 没病 A 也得先吃 B 点儿药预防 C, 病了就麻烦 D 了。 (着)

Câu 42: 冬天, 全家 A 围坐在 B 的火锅旁, C 边吃边聊, 那是最大 D 的幸福。

(热乎乎)

Câu 43: 看完 A 我女朋友的照片, B 妈妈 C 地夸她长得 D 漂亮。 (一个劲儿)

Câu 44: A 你的脸色不好 B, C 原来 D 你生病了。 (怪不得)

Câu 45: A 奥运会开幕 B 只有一天了, C 大家都在 D 紧张地忙碌着。 (离)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn, từ câu 46 đến câu 50.

学习的过程应当是用脑思考的过程, 无论是用眼睛看, 用口读, 或者用手抄写, 都是作为辅助用脑的方式, 关键还在于用脑子去 (46) _____. 比如说记单词, 如果你只是随意的浏览或漫无目的地抄写, 也许要很多遍才能记住, (47) _____不容易记牢, 而如果你能充分发挥自己的想象力, 运用联想的方法去记忆, (48) _____可以记得很快, 而且不容易遗忘。现在很多书上介绍的英语单词快速记忆的方法, 也都是 (49) _____用脑筋联想的作用。可见, 如果能做到集中精力, 发挥脑的潜力, 一定可以大大 (50) _____学习的效率。

(选自 王冶《快速通过 HSK》, 外文出版社, 2010 年)

Câu 46: A. 写 B. 读 C. 看 D. 想

Câu 47: A. 但是 B. 然而 C. 而且 D. 反而

Câu 48: A. 往往 B. 往常 C. 以往 D. 往后

Câu 49: A. 加强 B. 强化 C. 增强 D. 强调

Câu 50: A. 提高 B. 扩大 C. 增加 D. 满足

----- HẾT -----